TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 88/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 15/4/2025
V/v ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Trung Thông
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Bình Dương
Ông Đỗ Văn Long

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khôi - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Vân Anh – Kiểm sát viên trung cấp.

Ngày 15 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2025/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 01 năm 2025 về việc "Ly hôn, tranh chấp nuôi con".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2025/QĐXX-ST ngày 27/3/2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị N, sinh năm 1990 (vắng mặt)
Nơi cư trú: thôn V, xã H, huyện L, tỉnh B

2. Bị đơn: Anh Lê Sỹ T, sinh năm 1987 (vắng mặt)
Nơi cư trú: thôn V, xã H, huyện L, tỉnh B Hiện đang làm việc tại Đ.

Anh T ủy quyền cho anh Hoàng Văn H, sinh năm 1989; Nơi cư trú: tổ dân phố Y, phường N, thị xã V, tỉnh B giao nhận tài liệu với Tòa án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện về việc xin ly hôn và bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị N trình bày:

Về hôn nhân: Trước khi kết hôn chị, anh T được tự do tìm hiểu rồi đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn ngày 08/4/2008 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh B. Sau kết hôn chị về nhà anh T làm dâu, chung sống hòa thuận. Do điều kiện kinh tế khó khăn nên năm 2020 anh T đi lao động tại Đ. Sau khi sang Đ vợ chồng vẫn hòa thuận nhưng đến tháng 8/2021 thì phát sinh mâu thuẫn trầm trọng nên sống ly thân nhau. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống.

Trong thời gian mâu thuẫn vợ chồng nhiều lần nói chuyện với mong muốn tiếp tục chung sống để chăm sóc con nhưng do bất đồng quan điểm quá lớn nên không có kết quả. Khi hai bên gia đình biết chuyện có gọi điện khuyên bảo vợ chồng về đoàn tụ nhưng chị xác định không còn tình cảm nên không về đoàn tụ được. Kể từ tháng 10/2021 đến nay chị và anh T không ai còn quan tâm đến nhau, ai có cuộc sống riêng của người đó. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Lê Sỹ T.

Về con chung: chị và anh T có 02 con chung là Lê Sỹ D, sinh ngày 08/9/2008 và cháu Lê Bảo C, sinh ngày 30/11/2010, hiện nay các cháu đang sinh sống cùng chị. Sau ly hôn chị đề nghị giao 02 con chung cho chị là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Sỹ T trình bày:

Về hôn nhân: Về quá trình tìm hiểu đi đến hôn nhân, quá trình chung sống của vợ chồng, nguyên nhân, thời gian mâu thuẫn của vợ chồng anh nhất trí với trình bày của chị N. Nay anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên anh đồng ý ly hôn chị N.

Về con chung: anh, chị N có 02 con chung là cháu Lê Sỹ D, sinh ngày 08/9/2008 và cháu Lê Bảo C, sinh ngày 30/11/2010, hiện nay 02 con chung đang sinh sống cùng chị N. Sau ly hôn anh đề nghị giao 02 con chung cho chị N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản, công nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Cháu Lê Sỹ D, Lê Bảo C trình bày: Các cháu từ khi sinh ra đến nay vẫn sinh sống cùng mẹ, được mẹ chăm sóc đầy đủ cả về vật chất lẫn tinh thần. Bố các cháu hiện vẫn đang lao động tại nước ngoài chưa về nước nên nếu bố mẹ ly hôn các cháu muốn ở cùng mẹ.

Tại phiên tòa, chị N, anh T vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố đơn khởi kiện, bản tự khai của chị N, anh T và thông qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang phát biểu về việc tuân theo pháp luật về tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án.

Về việc chấp hành pháp luật của đương sự: Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được quy định trong Bộ luật tố tụng dân sự. Căn cứ các quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn là đúng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83, khoản 2 Điều 123 và Điều 127 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271; Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTBVQH14 ngày 30/12/2016 Nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị N; xử:

Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Lê Sỹ T.

Về con chung: Giao cháu cháu Lê Sỹ D, sinh ngày 08/9/2008 và cháu Lê Bảo C, sinh ngày 30/11/2010 cho chị Nguyễn Thị N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, công nợ chung: Do chị N, anh T không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được công bố tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Giang, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ tranh chấp: chị N khởi kiện xin ly hôn anh T và yêu cầu giải quyết nuôi con chung. Vì vậy, đây là vụ án "Ly hôn, tranh chấp nuôi con" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về thẩm quyền giải quyết vụ án: anh T là bị đơn hiện đang lao động tại Đ và có hộ khẩu thường trú trú tại tỉnh Bắc Giang. Vì vậy, đây là vụ án có một bên đương sự ở nước ngoài nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3]. Về sự vắng mặt các đương sự: Nguyên đơn, bị đơn có đơn xin xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[4]. Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị N và anh Lê Sỹ T kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn ngày 08/4/2008 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện L, tỉnh B Do đó, đây là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn trầm trọng, hiện đã sống ly thân nhau thời gian dài. Nay chị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án xử cho chị được ly hôn anh Lê Sỹ T.

Xét yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị N với anh T, Hội đồng xét xử thấy: chị N, anh T đều xác định vợ chồng được tự do tìm hiểu đi đến hôn nhân, được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới hỏi theo phong tục của địa phương và có đăng ký kết hôn. Sau kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận nhưng sau quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Hiện nay vợ chồng đã ly thân một thời gian dài. Mặc dù anh, chị đã chủ động nói chuyện và được hai bên gia đình hàn gắn tình cảm nhưng không được. Do đó, Hội đồng xét xử đủ căn cứ xác định chị N, anh T không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị N với anh T là phù hợp với tình trạng hôn nhân thực tế, phù hợp Điều 51, Điều 53 và Điều 56 Luật hôn nhân.

[5]. Về nuôi con chung: chị N, anh T có 02 con chung là cháu Lê Sỹ D, sinh ngày 08/9/2008 và cháu Lê Bảo C, sinh ngày 30/11/2010. Hiện nay 02 con chung đang sinh sống cùng chị N. Sau ly hôn chị N, anh T thống nhất đề nghị giao 02 con chung cho chị N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Xét yêu cầu giao con chung cho chị N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng sau ly hôn, Hội đồng xét xử thấy: sau ly hôn anh T, chị N đều đề nghị giao các con chung cho chị N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung. Cháu D, C đều có nguyện vọng được sinh sống cùng mẹ nếu bố mẹ ly hôn. Ngoài ra, từ lúc sinh ra cho đến nay các con chung vẫn đang sinh sống ổn định cùng chị N, các cháu phát triển ổn định về cả thể chất lẫn tinh thần. Mặt khác, anh T hiện đang lao động tại Đ nên cũng không đảm bảo việc trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy thỏa thuận của anh T, chị N là phù hợp với thực tế, phù hợp Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình nên cần chấp nhận yêu cầu giao các con chung cho chị N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục sau ly hôn của anh T, chị N.

Sau khi ly hôn anh Lê Sỹ T có quyền thăm nom con chung, không ai được cản trở.

Trường hợp anh Lê Sỹ T có nguyện vọng thay đổi người trực tiếp nuôi con chung hoặc vì quyền lợi chính đáng của con chung, các đương sự có quyền khởi kiện yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn bằng vụ án khác theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân gia đình.

[6]. Về cấp dưỡng nuôi con chung, tài sản chung, công nợ chung: Do chị N, anh T không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ Luật Tố tụng dân sự; và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án. Chị Nguyễn Thị N phải chịu

300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang.

[8]. Về quyền kháng cáo:

Theo Điều 271, khoản 2 Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự, anh T đang lao động tại nước ngoài không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án là 01 tháng, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Theo Điều 271; khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự, chị N vắng mặt tại phiên tòa nhưng có mặt tại Việt Nam thì thời hạn kháng cáo bản án của Tòa án là 15 ngày, kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, khoản 2 Điều 123, Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 37, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, Điều 271, Điều 273, khoản 2 Điều 479 Bộ Luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Toà án; xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị N được ly hôn anh Lê Sỹ T.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Sỹ D, sinh ngày 08/9/2008 và cháu Lê Bảo C, sinh ngày 30/11/2010 cho chị Nguyễn Thị N là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi đủ 18 tuổi hoặc đến khi có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, anh Lê Sỹ T không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị N phải chịu 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* án phí sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ *(Ba trăm nghìn đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0000332 ngày 16/01/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Giang. Xác nhận chị Nguyễn Thị N đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo bản án:

Chị Nguyễn Thị N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Anh Lê Sỹ T có quyền kháng cáo trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- Cục THADS tỉnh Bắc Giang;
- UBND xã Hương Lạc, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang;
- Cổng thông tin điện tử;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Trung Thông